

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T
TỈNH Ph

Bản án số: 02/2025/HNGĐ-ST

Ngày 16 tháng 01 năm 2025

V/v: “Hôn nhân và gia đình”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T TỈNH Ph

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Văn Ch.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đức Th và bà Nguyễn Thị H.

Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Hải L –Thư ký của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Ph.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Ph tham gia phiên toà:
Ông Hoàng Quốc H - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Ph xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 100/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2024 về việc “Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 44/2024/QĐST-HNGĐ ngày 30/12/2024 giữa:

- ***Nguyên đơn:*** Chị **Triệu Thị Ng**, sinh năm 1979 (vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: khu Tân Lập, xã Thu Cúc, huyện T, tỉnh Ph;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Ng: ông Lã Thành C – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Ph (có mặt).

- ***Bị đơn:*** Anh **Hà Văn Đ**, sinh năm 1971 (vắng mặt không có lý do);

Địa chỉ: khu Tân Lập, xã Thu Cúc, huyện T, tỉnh Ph;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Đ: ông Bùi Đức D – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Ph (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]. Theo đơn khởi kiện đề ngày 23/9/2024 và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn chị Triệu Thị Ng trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 1997, chị Triệu Thị Ng với anh Hà Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thu Cúc, huyện Thanh Sơn (nay là huyện T), tỉnh Ph. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc, sau đó cuộc sống chung bắt đầu mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Chị Ng đã bỏ đi làm ăn xa từ đầu năm 2022, vợ chồng sống ly thân nhau từ đó. Nay xét tình cảm không còn, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài nên chị Ng

làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Ph giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hà Văn Đ.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng chị Ng, anh Đ có 02 con chung là cháu Triệu Tiến L, sinh ngày 01/4/1999 và cháu Triệu Tiến L, sinh ngày 27/4/2002. Hiện các cháu đều đã thành niên nên chị không đề nghị Toà án giải quyết vấn đề con chung.

Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

[2]. Về phía Bị đơn anh Hà Văn Đ:

Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh Hà Văn Đ đến để làm việc, tuy nhiên anh Đ đều vắng mặt không có lý do. Theo đó, ngày 09/12/2024, Toà án đã tới gia đình của anh Đ tại khu Tân Lập, xã Thu Cúc, huyện T, tỉnh Ph để tiến hành lấy lời khai. Trong Biên bản lấy lời khai, anh Hà Văn Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Đ xác nhận về thời gian vợ chồng kết hôn, chung sống, ly thân và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng như chị Ng trình bày trong đơn khởi kiện và bản tự khai là đúng. Nay chị Ng xin ly hôn, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung như chị Ng trình bày là đúng. Hiện các cháu đều đã thành niên nên anh không đề nghị Toà án giải quyết vấn đề con chung.

Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

[3]. Quan điểm của đại diện UBND xã Thu Cúc: Tại Biên bản làm việc ngày 09/12/2024 của Tòa án nhân dân huyện T với đại diện UBND xã Thu Cúc, địa phương cung cấp như sau:

Về tình trạng hôn nhân: Chị Triệu Thị Ng và anh Hà Văn Đ là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thu Cúc vào năm 1997. Sau khi kết hôn, anh chị về chung sống cùng với gia đình anh Đ tại khu Tân Lập, xã Thu Cúc. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc cho đến khoảng năm 2019 thì anh chị thường xuyên mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, mặc dù đã được gia đình hai bên và chính quyền địa phương khuyên bảo nhưng anh chị vẫn không chủ động và không có biện pháp hàn gắn hạnh phúc. Từ đầu năm 2022, chị Ng đã bỏ đi làm ăn xa, vợ chồng sống ly thân nhau. Nay chị Ng có đơn khởi kiện xin được ly hôn anh Đ, UBND xã Thu Cúc đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về con chung: chị Ng và anh Đ có 02 con chung là cháu Triệu Tiến L, sinh ngày 01/4/1999 và cháu Triệu Tiến L, sinh ngày 27/4/2002. Hiện các cháu đều đã thành niên nên không đề nghị Toà án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp: Chị Ng, anh Đ không đề nghị Tòa án giải quyết nên địa phương không có ý kiến gì.

[5]. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Ph phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Việc nhận đơn, thụ lý, xác minh, thu thập chứng cứ được Thẩm phán thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật, Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Quá trình giải quyết vụ án, Bị đơn nhiều lần vắng mặt không có lý do nên đây là vụ án không tiến hành hoà giải được. Thẩm phán đã thực hiện việc cấp tổng đạt các văn bản tố tụng cho Nguyên đơn, Bị đơn theo đúng khoản 1 Điều 175, khoản 1,2,4 Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa ngày hôm nay, Nguyên đơn vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Ph xét xử vắng mặt Nguyên đơn, Bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Chị Ng, anh Đ kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định. Trong cuộc sống chung vợ chồng hai bên không hòa thuận, hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Ng, anh Đ là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 55, Điều 57 Luật Hôn nhân gia đình, ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Ng và anh Đ.

Về con chung: Chị Ng, anh Đ có 02 con chung là cháu Triệu Tiến L, sinh ngày 01/4/1999 và cháu Triệu Tiến L, sinh ngày 27/4/2002. Hiện nay các cháu đều đã thành niên nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

Đối với tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp: Chị Ng, anh Đ không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Khi nào chị Ng, anh Đ có yêu cầu thì anh, chị có quyền làm đơn đề nghị giải quyết bằng một vụ, việc khác theo quy định.

Về án phí dân sự: Chị Ng, anh Đ được miễn án phí ly hôn theo quy định.

[6]. Quan điểm của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Nguyên đơn, Bị đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Ng và anh Đ.

Về con chung: Các con chung đều đã thành niên nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp: Chị Ng, anh Đ không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm cho chị Triệu Thị Ng và anh Hà Văn Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về trình tự, thủ tục tố tụng: Chị Triệu Thị Ng có đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Ph cho chị được ly hôn với anh Hà Văn Đ, sinh năm 1971; trú tại: Khu Tân Lập, xã Thu Cúc, huyện T, tỉnh Ph. Căn cứ khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Ph.

Quá trình giải quyết vụ án, Bị đơn anh Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn cố tình vắng mặt. Vì vậy, Tòa án xác định vụ án không thể tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự và quyết định đưa vụ án ra xét xử là phù hợp.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, chị Ng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Đ vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị Ng, anh Đ theo đúng khoản 1 Điều 175 và khoản 1,2,4 Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1,3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện T xét xử vắng mặt Nguyên đơn, Bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Ng và anh Đ trước khi kết hôn có thời gian tự nguyện tìm hiểu. Năm 1997, hai bên đăng ký kết hôn tại UBND xã Thu Cúc, huyện Thanh Sơn (nay là huyện T), tỉnh Ph, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, chị Ng cho rằng từ đầu năm 2022 vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, trong cuộc sống vợ chồng không có sự hòa hợp với nhau. Chị và anh Đ đã chính thức ly thân từ khi xảy ra mâu thuẫn, không ai còn quan tâm đến nhau nữa. Xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh Đ nên chị xin ly hôn để giải phóng cho nhau. Phía anh Đ cũng xác nhận vợ chồng ly thân đã lâu nên anh đồng ý ly hôn với chị Ng.

Để thu thập chứng cứ về tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị Ng và anh Đ, Tòa án đã tiến hành xác minh tại UBND xã Thu Cúc thấy rằng: Lời trình bày của chị Ng về tình trạng hôn nhân giữa chị và anh Đ là hoàn toàn đúng. Đại diện địa phương cũng xác nhận chị Ng và anh Đ chung sống không hòa thuận hạnh phúc, hiện vợ chồng anh, chị đã ly thân, hai bên không còn quan tâm, chăm sóc, yêu thương nhau.

Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị Ng, anh Đ đã đến mức trầm trọng, vợ chồng chung sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận việc yêu cầu xin ly hôn của chị Ng và anh Đ là phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị Ng, anh Đ có 02 con chung là cháu cháu Triệu Tiến L, sinh ngày 01/4/1999 và cháu Triệu Tiến L, sinh ngày 27/4/2002.

Nay các con chung đều đã thành niên, tự lao động được nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết là phù hợp.

[4]. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Chị Ng, anh Đ không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Sau này chị Ng, anh Đ có yêu cầu thì anh; chị có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ, việc khác theo quy định pháp luật.

[5]. Về án phí: Căn cứ quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; hướng dẫn tại tiết 11, mục IV của văn bản số: 02/TANDTC – PC ngày 02/8/2021 và quy định tại điểm a, khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì chị Ng, anh Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm tương ứng như trường hợp các bên thuận tình ly hôn. Tuy nhiên, cả hai anh chị đều là người dân tộc thiểu số, hiện đang sinh sống tại khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn toàn bộ tiền án phí sơ thẩm.

[6]. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn; Bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Đề nghị của Kiểm sát viên, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn, bị đơn là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 55, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1,3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 và Danh mục án phí lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Triệu Thị Ng và anh Hà Văn Đ.

2. *Về con chung:* Không xem xét, giải quyết.

3. *Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp:* Không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

4. *Về án phí*: Miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm cho chị Ng, anh Đ.

5. *Về quyền kháng cáo*: Chị Ng, anh Đ có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc Bản án được niêm yết theo quy định để đề nghị Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đinh Văn Ch